

# BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO

TS ĐINH THỊ MINH TUYẾT

*Học viện Hành chính Quốc gia*

## 1. Bình đẳng giới trong Công ước quốc tế và hệ thống pháp luật Việt Nam.

Bình đẳng giới (BDG) là sự thừa nhận và coi trọng như nhau các đặc điểm giống và khác nhau giữa nữ giới và nam giới. Nam giới và nữ giới cùng có điều kiện ngang nhau để phát huy hết khả năng và thực hiện các mong muốn của mình; có cơ hội bình đẳng để tham gia, đóng góp và thụ hưởng từ các nguồn lực của xã hội và quá trình phát triển; được hưởng tự do và chất lượng cuộc sống bình đẳng; được hưởng thành quả bình đẳng trong mọi lĩnh vực của xã hội; trong đó, có lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

Điều 10 Công ước của Liên hiệp quốc về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ nêu rõ: các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ sự phân biệt đối xử với phụ nữ nhằm bảo đảm cho họ được quyền bình đẳng với nam giới trong lĩnh vực giáo dục. Trong Công ước quốc tế, BDG về thực hiện chính sách giáo dục - đào tạo được thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau:

- Những điều kiện như nhau đối với việc hướng nghiệp, tham gia học tập và đạt được bằng cấp ở các cơ sở giáo dục thuộc các loại hình khác nhau ở vùng nông thôn cũng như thành thị; sự bình đẳng này phải được bảo đảm trong các trường mẫu giáo, trường phổ thông, trường kĩ thuật kể cả trường kĩ thuật cao cấp, trường dạy nghề cũng như tất cả các trường đào tạo nghiệp vụ.

- Các chương trình giảng dạy và kiểm

tra thi cử như nhau, các giáo viên với trình độ chuyên môn như nhau, cơ sở vật chất và trang thiết bị của trường học có chất lượng như nhau.

- Loại bỏ quan niệm rập khuôn về vai trò của nam giới và nữ giới ở mọi cấp và trong mọi hình thức giáo dục bằng cách khuyến khích việc học sinh nam và nữ cùng học trong một lớp và bằng các hình thức giáo dục khác, đặc biệt là bằng cách chỉnh sửa lại các sách giáo khoa, chương trình giảng dạy và điều chỉnh một cách thích hợp các phương pháp giảng dạy.

- Nam, nữ được tạo những cơ hội như nhau để được hưởng học bổng và các trợ cấp học tập khác.

- Phụ nữ được tạo cơ hội như nam giới trong việc tham gia các chương trình bổ túc văn hoá, kể cả các chương trình bổ túc văn hoá và dạy chữ cho người lớn, đặc biệt là những chương trình nhằm thu hẹp khoảng cách giới để trong thời gian ngắn nhất có thể xoá bỏ được mọi khoảng cách tồn tại về trình độ văn hoá giữa nam giới và nữ giới.

- Giảm bớt tỉ lệ nữ sinh bỏ học và tổ chức các chương trình dành cho những phụ nữ đã phải rời trường sớm.

- Nam, nữ được tạo cơ hội như nhau để tham gia tích cực các hoạt động thể dục - thể thao.

- Phụ nữ được phổ biến những thông tin giáo dục cụ thể giúp cho việc đảm bảo sức khoẻ và hạnh phúc gia đình, kể cả thông tin và hướng dẫn về kế hoạch hoá gia đình.

- Đối với phụ nữ nông thôn, phải đảm bảo cho họ các quyền được hưởng các l ại

hình giáo dục - đào tạo chính quy và không chính quy, kể cả dạy chữ và được hưởng mọi dịch vụ chung trong cộng đồng để nâng cao trình độ kỹ thuật của họ.

Ở nước ta, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chế độ, chính sách để tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển bình đẳng với nam giới, xã hội cũng đã thừa nhận vai trò và vị thế của phụ nữ.

Nghị quyết của Bộ chính trị khoá VII ngày 12-7-1993 đã khẳng định: "Giải phóng và phát triển toàn diện phụ nữ là một trong những mục tiêu của cách mạng Việt Nam có ảnh hưởng trực tiếp lâu dài đến sự phát triển của đất nước. Bồi dưỡng lực lượng phụ nữ, phát huy sức mạnh và chăm lo sự phát triển mọi mặt của phụ nữ là nhiệm vụ thường xuyên, rất quan trọng của Đảng ta trong mọi thời kỳ cách mạng". Định hướng đó được thể hiện rất cụ thể trong hệ thống pháp luật của nước ta.

*Hiến pháp* năm 1992 khẳng định: "Công dân nam, nữ có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình. Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ. Lao động nữ và nam việc làm như nhau thì tiền lương ngang nhau, lao động nữ có quyền hưởng chế độ thai sản. Phụ nữ là viên chức nhà nước và người làm công ăn lương có quyền nghỉ trước và sau khi đẻ mà vẫn hưởng lương, phụ cấp theo quy định của pháp luật. Nhà nước và xã hội tạo điều kiện để phụ nữ nâng cao trình độ mọi mặt, không ngừng phát huy vai trò của mình trong xã hội, chăm lo phát triển các nhà hộ sinh, khoa nhi, nhà trẻ và các cơ quan phúc lợi xã hội khác để giảm nhẹ gánh nặng gia đình, tạo điều kiện cho phụ nữ sản xuất, công tác, học tập, chữa bệnh, nghỉ ngơi và làm tròn bổn phận làm mẹ" (Điều 63).

*Bộ luật Dân sự* năm 1995 quy định: "Trong quan hệ dân sự, các bên đều bình đẳng, không được lấy lý do khác biệt về dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, hoàn cảnh kinh tế, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp để đối xử không bình đẳng với nhau" (Điều 8).

*Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động* năm 2002 cũng đã quy định: "Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp, học nghề và nâng cao trình độ nghề nghiệp, không phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo" (Điều 5); "Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm mở rộng nhiều loại hình đào tạo thuận lợi cho lao động nữ để ngoài nghề đang làm người lao động nữ còn thêm nghề dự phòng và để việc sử dụng lao động nữ được dễ dàng, phù hợp với đặc điểm về cơ thể, sinh lý và chức năng làm mẹ của phụ nữ" (Điều 110).

Mặc dù vị thế và vai trò của phụ nữ Việt Nam đối với đất nước đã được ghi nhận và khẳng định, tuy nhiên, BĐG ở nước ta vẫn còn những bất cập cần khắc phục:

*Thứ nhất*, tư tưởng trọng nam, khinh nữ vẫn còn trong suy nghĩ và hành động của không ít người. Đây là một trong những trở ngại lớn trong việc thực hiện quyền nam, nữ bình đẳng ở nước ta.

*Thứ hai*, phụ nữ có nhiều nguy cơ chịu tác động tiêu cực trong nền kinh tế thị trường. Một số đơn vị kinh tế không muốn nhận lao động nữ vì ngại thực hiện chế độ thai sản và những lý do khác, nhiều phụ nữ nghèo phải làm việc quá sức mà thu nhập thấp, nhiều phụ nữ còn phải làm việc trong các điều kiện nặng nhọc, độc hại, ảnh hưởng đến sức khoẻ.

*Thứ ba*, tình trạng phụ nữ bị lừa đưa ra nước ngoài, là nạn nhân của nhiều tệ nạn xã hội như bạo lực, mại dâm, nghiện hút, cờ bạc, mê tín dị đoan đang có chiều hướng gia tăng. Nhiều phụ nữ ở miền núi, vùng nông thôn hẻo lánh còn bị mù chữ, tái mù chữ và học vắn, mức hưởng thụ văn hoá thấp.

*Thứ tư*, một số bộ, ngành và địa phương chưa thật sự coi trọng và tạo điều kiện cho việc phát triển cán bộ nữ, còn nặng về huy động khai thác sự đóng góp của phụ nữ, mà chưa coi trọng đúng mức việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ phụ nữ, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển đáp ứng được

yêu cầu của giai đoạn mới.

*Thứ năm*, sự đóng góp của phụ nữ vào phúc lợi của gia đình và sự phát triển của xã hội chưa được công nhận đầy đủ. Phụ nữ là những người thường bị thiệt thòi hơn về dinh dưỡng, sức khoẻ, giáo dục - đào tạo, cơ hội việc làm và các nhu cầu khác. Do đó, trình độ quản lý kinh tế, quản lý xã hội, trình độ văn hoá và nghề nghiệp của phụ nữ chưa theo kịp yêu cầu phát triển của xã hội.

### **2. Mục tiêu và giải pháp bình đẳng giới về giáo dục - đào tạo đến năm 2010.**

Trong những năm tới, nhằm thực hiện nhiệm vụ nâng cao trình độ, năng lực, tạo cơ hội cho phụ nữ tham gia vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, thu hẹp khoảng cách giới, *Chiến lược Quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2010* đã đề ra mục tiêu: đến năm 2010, cần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phấn đấu xoá mù chữ cho 100% số phụ nữ bị mù chữ ở độ tuổi dưới 40 tuổi; tăng tỉ lệ nữ lên trên 35% tổng số người được đào tạo trên đại học; tăng tỉ lệ lao động nữ được đào tạo lên 40% (trong đó, đào tạo nghề là 26%); đạt tỉ lệ nữ cán bộ, công chức được bồi dưỡng về chính trị, hành chính, tin học và ngoại ngữ từ 30% trở lên, đạt tỉ lệ nữ tham gia các khoá bồi dưỡng, huấn luyện, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước tương đương tỉ lệ nữ tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong các lĩnh vực tương ứng. Có chế độ trợ cấp và ưu tiên cho cán bộ nữ được đào tạo ở nước ngoài và xa thành phố.

Để đạt được các mục tiêu trên, cần thực hiện có hiệu quả các giải pháp sau:

*Một là*, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách về BĐG; trong đó, có chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ; ban hành chính sách ưu tiên chăm sóc sức khoẻ, giáo dục cho trẻ em gái và phụ nữ thuộc các hộ nghèo, đang sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo và ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Nâng cao hiệu lực quản lý và hiệu quả thực hiện các quyền BĐG của các cơ quan nhà nước có liên quan.

*Hai là*, thực hiện lồng ghép có hiệu quả nội dung BĐG vào nội dung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm của cả nước và của từng bộ, ngành và địa phương. Gắn việc triển khai thực hiện *Chiến lược* với việc triển khai thực hiện các chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan, các cam kết khu vực và quốc tế của Việt Nam về sự BĐG và với việc triển khai thực hiện Công ước của Liên hiệp quốc về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) để đạt được mục tiêu BĐG.

*Ba là*, giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất, năng lực, nâng cao trình độ mọi mặt của phụ nữ. Trong chương trình tạo việc làm, phải quan tâm giải quyết việc làm cho phụ nữ, tăng cường đào tạo mới, đào tạo lại, nâng cao tay nghề cho phụ nữ. Phổ biến, hướng dẫn những thông tin về pháp luật, chính sách, kinh tế - xã hội, những kinh nghiệm làm vợ, làm mẹ, tổ chức cuộc sống gia đình... giúp phụ nữ nâng cao kiến thức về mọi mặt. Phấn đấu đến năm 2010, thanh toán nạn mù chữ cho phụ nữ dân tộc ít người và vùng nông thôn hẻo lánh, có biện pháp khắc phục tình trạng bỏ học của các em bé gái. Phấn đấu nâng cao tỉ lệ nữ trong đội ngũ trí thức, chuyên gia bậc cao, nữ quản lý sản xuất - kinh doanh, thợ lành nghề...

Hội phụ nữ các cấp chủ động phối hợp tổ chức các lớp dạy nghề và tham mưu, đề xuất các chính sách có liên quan trực tiếp đến phụ nữ, tập trung ở các lĩnh vực như lao động, giáo dục - đào tạo và y tế; trong đó, chú ý ưu tiên đào tạo lại, đào tạo nghề cho lao động nữ trong quá trình sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, mở rộng các làng nghề truyền thống, tạo việc làm mới cho nữ nông dân, nâng tỉ lệ nữ trong các khoá đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ.

*Bốn là*, chăm lo sự nghiệp phát triển văn hoá giáo dục, xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo để giải phóng sức lao động nữ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho chị em tham gia

hoạt động chính trị, quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

*Năm là*, tăng cường giáo dục ý thức pháp luật thông qua việc tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Hiến pháp và các luật, chế độ, chính sách nhà nước hiện hành để chị em thông suốt quyền và nghĩa vụ của mình.

Giáo dục truyền thống phụ nữ, về vai trò và vị trí của phụ nữ trong cách mạng XHCN, về ý thức phấn đấu thực hiện nam nữ bình đẳng. Thường xuyên giáo dục tiêu chuẩn người phụ nữ mới để chị em từng bước phấn đấu thực hiện.

Ngoài nội dung giáo dục chung, cần có nội dung công tác tư tưởng thích hợp với từng đối tượng phụ nữ: công nhân, nông dân, trí thức, tiểu thương, tiểu thủ công, nữ thanh niên, giáo dân v.v. Sử dụng nhiều hình thức tuyên truyền, giáo dục phong phú, sinh động, phối hợp với từng loại đối tượng, chú trọng cả chiều rộng lẫn chiều sâu, tăng cường thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, phát thanh, truyền hình và hệ thống truyền thông của địa phương); đồng thời, xây dựng mạng lưới tuyên truyền trực tiếp qua sinh hoạt của các tổ chức quần chúng. Cùng cố và phát triển các tổ đọc báo trong từng tiểu tổ phụ nữ. Phát triển mạnh hình thức sinh hoạt câu lạc bộ từ thấp đến cao và phong trào văn nghệ quần chúng trong phụ nữ.

*Sáu là, quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ.* Cần xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng lao động nữ nói chung và cán bộ nữ nói riêng. Trước mắt, các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở phải có quy hoạch cán bộ nữ. Sớm xác định những ngành, những lĩnh vực phù hợp, phát huy được thế mạnh của phụ nữ, những chức danh lãnh đạo và quản lý cần có cán bộ nữ; từ đó, có kế hoạch tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt và sử dụng. Chú ý phát hiện tài năng trẻ và có quy trình đào tạo, bồi dưỡng thích hợp để sớm đề bạt, sử dụng. Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ nữ làm công tác khoa học - kỹ thuật, kinh tế, pháp luật, hành chính, quản

lý nhà nước và cán bộ nữ dân tộc ít người, tôn giáo, vùng sâu, vùng xa. Các trường lớp đào tạo, bồi dưỡng của Đảng, Nhà nước và đoàn thể, khi chiêu sinh cần có quy định tỉ lệ nữ một cách thoả đáng, đưa vào chương trình đào tạo những kiến thức về giới. Có chính sách trợ cấp cao hơn nam giới cho cán bộ nữ khi đi học. Có những hình thức đào tạo, bồi dưỡng thích hợp với đặc điểm của cán bộ nữ như mở tại cơ sở, vùng, miền,... phân chia chương trình đào tạo thành những khoá ngắn ngày, tạo điều kiện sinh hoạt thuận lợi cho học viên nữ trong thời gian học tập.

*Bảy là, đẩy mạnh phong trào học tập và nhân điển hình tiên tiến.* Động viên, tạo điều kiện để phụ nữ tích cực học tập, nâng cao kiến thức, trình độ, năng lực về mọi mặt; tham gia tích cực vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuyên truyền, giáo dục phụ nữ giữ gìn, phát huy giá trị đạo đức, truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc và phụ nữ Việt Nam. Hướng dẫn, giúp đỡ phụ nữ tổ chức cuộc sống gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Cùng cố tổ chức hội, nâng cao năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ Hội phụ nữ các cấp; giới thiệu phụ nữ có đức, có tài tham gia vào các cơ quan lãnh đạo Đảng, chính quyền, cơ quan dân cử và đoàn thể các cấp, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.

Hội phụ nữ tích cực tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách của Nhà nước có liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của phụ nữ; tham mưu, đề xuất chính sách với Đảng, Nhà nước nhằm tạo điều kiện để thực hiện BĐG và phát triển □

Tài liệu tham khảo:

1. Chiến lược Quốc gia Vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam đến năm 2010.
2. Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ.
3. Hướng dẫn lồng ghép giới trong hoạch định và thực thi chính sách, Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam. H.2004.